

-(으)ㄴ수록

càng... càng

Nói hai điều cùng tăng lên với nhau. Tiếng Hàn thường lặp lại động từ, đặt -(으)면 ở bản sao thứ nhất — một cách lặp mà tiếng Việt không có (tiếng Việt chỉ dùng “càng... càng”).

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄴ수록	배우다 → 배울수록
Kết thúc bằng phụ âm	-을수록	많다 → 많을수록
Kết thúc bằng ㄹ	không thêm gì	만들다 → 만들수록
Lặp lại theo thành ngữ	-(으)면 -(으)ㄴ수록	배우면 배울수록
이다	-일수록	학생일수록
Không bao giờ gần thì	chỉ gốc từ nguyên dạng	배웠을수록 là sai

Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn với dạng rút gọn của ㄴ: 만들다 thành 만들수록. 수록 được viết liền với định ngữ, không có khoảng cách.

Mẫu câu mang tính thành ngữ lặp lại động từ: 배우면 배울수록 재미있어요. Bản sao có 면 là tùy chọn nhưng rất phổ biến, và bỏ nó đi nghe nhạt hơn với tai người Hàn.

Không bao giờ có thì đứng trước. Mối quan hệ mà nó diễn tả mang tính chung, nên nếu có quá khứ thì đặt ở động từ cuối.

Một vài cách nói cố định nên học nguyên cụm: 갈수록 (ngày càng, theo thời gian), 시간이 갈수록, 많으면 많을수록 좋다.

Ví dụ trong câu

- 1

한국어는 배우면 배울수록 재미있어요.
Càng học tiếng Hàn càng thấy thú vị.
- 2

사람이 많을수록 좋아요.
Càng đông người càng vui.
- 3

시간이 갈수록 상황이 나아지고 있어요.
Tình hình ngày càng tốt lên theo thời gian.
- 4

직접 만들수록 실력이 늘어요.
Càng tự làm nhiều thì càng làm giỏi.
- 5

생각할수록 이상해요.
Càng nghĩ càng thấy lạ.
- 6

바쁜 사람일수록 시간 관리를 잘해요.
Người càng bận thì càng biết quản lý thời gian tốt.

So sánh với

점점

점점 nói rằng điều gì đó tự thay đổi dần dần. -(으)ㄴ수록 gần sự thay đổi với một nguyên nhân cũng đang tăng lên.

점점 재미있어져요. (ngày càng thú vị) / 배울수록 재미있어요. (càng học càng thú vị)

-(으)면

-(으)면 đặt ra một điều kiện đơn lẻ; -(으)ㄴ수록 biến điều kiện thành một thang mức tăng dần. Dạng lặp lại dùng cả hai cùng lúc.

배우면 재미있어요. (học thì sẽ thấy thú vị) / 배울수록 재미있어요. (càng học càng thú vị)

갈수록

Một dạng cố định có nghĩa “ngày càng, theo thời gian”. Nó đứng một mình như trạng từ và nên học thuộc như từ vựng.

갈수록 어려워져요. / 시간이 갈수록 좋아졌어요.

Lưu ý

- X

직접 만들수록 실력이 늘어요.
- O

직접 만들수록 실력이 늘어요.
Gốc từ kết thúc bằng ㄴ đã có sẵn ㄴ, giống như 만들 거예요 và 만들 테니까.
- X

한국어를 배웠을수록 재미있었어요.
- O

한국어를 배울수록 재미있었어요.
-(으)ㄴ수록 không bao giờ mang thì. Mối quan hệ mang tính chung; quá khứ thuộc về động từ cuối.
- X

사람이 많을 수록 좋아요.
- O

사람이 많을수록 좋아요.
수록 được viết liền, khác với 수 있다 hay 것 nơi danh từ phải viết cách.